

Số: 2314/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên
Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 3845/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch UBND thành phố về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng và Quyết định số 5943/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch UBND thành phố về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 3845/QĐ-UBND;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 227/SNN-TCCB ngày 27 tháng 02 năm 2014 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 407/TTr-SNV ngày 11 tháng 3 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NC-PC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Văn Hữu Chiến

QUY CHẾ

Hoạt động của Kiểm soát viên

Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1314~~ 14/QĐ- UBND ngày 14 tháng 4 năm 2014
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, nghĩa vụ, nguyên tắc hoạt động, chế độ làm việc và mối quan hệ của Kiểm soát viên với các cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Công ty).

2. Đối tượng áp dụng Quy chế gồm: Kiểm soát viên, Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty và các cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên trong Công ty theo Điều lệ và pháp luật quy định.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chủ sở hữu thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Kiểm soát viên (sau đây gọi tắt là Chủ sở hữu) là UBND thành phố Đà Nẵng có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Kiểm soát viên) là cá nhân do chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để giúp Chủ sở hữu kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu, việc quản lý điều hành công việc kinh doanh tại Công ty của Hội đồng thành viên và Giám đốc.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 3, Quyết định số 35/2013/QĐ-TTg ngày 07 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng

Chính phủ về ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 4. Chế độ hoạt động của Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu bổ nhiệm 02 (hai) Kiểm soát viên Công ty làm việc theo chế độ chuyên trách và không chuyên trách, trong đó 01 (một) Kiểm soát viên phụ trách chung làm việc theo chế độ chuyên trách để lập kế hoạch công tác, phân công, điều phối công việc của các Kiểm soát viên.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là không quá 03 (ba) năm, hết nhiệm kỳ Kiểm soát viên được chủ sở hữu xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên.

3. Hoạt động của Kiểm soát viên phải đảo đảm tính trung thực, khách quan, đúng quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên.

Điều 5. Nhiệm vụ của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cần trọng của Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh tại Công ty, bao gồm các nội dung sau:

a) Việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với công ty (nếu có); việc góp, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty vào công ty khác; việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

b) Việc triển khai thực hiện Điều lệ Công ty;

c) Việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 (năm) năm, hằng năm của Công ty;

d) Việc bảo toàn và phát triển vốn; việc tăng, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Việc thực hiện các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác của Công ty;

e) Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;

g) Việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của viên chức quản lý và người lao động trong Công ty;

h) Việc thực hiện các quy trình, quy chế, thể lệ, các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương, định mức chi phí và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý, báo cáo quỹ tiền lương thực hiện của viên chức quản lý, của người lao động và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu Công ty báo cáo thẩm định của Kiểm soát viên.

3. Đề xuất với Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung về tổ chức và hoạt động của Công ty cho phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước. Kiến nghị chủ sở hữu các giải pháp sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

4. Lập chương trình kế hoạch hoạt động để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kiểm soát viên trong năm và báo cáo định kỳ (quý, năm) hoặc đột xuất về kết quả giám sát, kiểm tra hoạt động của Công ty cho chủ sở hữu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng gửi Hội đồng thành viên Công ty.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu.

Điều 6. Quyền hạn của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty có các quyền hạn sau:

1. Được quyền yêu cầu cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc các cụm trạm, các phòng chuyên môn thuộc Công ty để nghiên cứu, xem xét phục vụ thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

2. Được Công ty cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, báo cáo về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc Công ty ban hành có liên quan đến việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao.

3. Được mời tham dự hội nghị, họp Hội đồng thành viên, họp Ban giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên. Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Doanh nghiệp.

4. Được tiếp nhận đầy đủ các tài liệu, thông tin do các cơ quan Nhà nước ban hành có nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại thời điểm Công ty tiếp nhận được.

5. Được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên theo pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên được tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác của Kiểm soát viên sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu. Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và chi phí hoạt động khác (nếu có) của Kiểm soát viên

thực hiện theo khung mức chi do chủ sở hữu quyết định trên cơ sở đề nghị của Kiểm soát viên, được sự đồng ý của Hội đồng thành viên và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty có nghĩa vụ:

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của chủ sở hữu trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và chủ sở hữu Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và chủ sở hữu Công ty. Quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của chủ sở hữu và của Công ty. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Phải thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin và thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho chủ sở hữu Công ty. Thực hiện báo cáo định kỳ (quí, năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5. Chủ động báo cáo và khuyến nghị kịp thời cho chủ sở hữu những hoạt động bất thường, trái quy định pháp luật và quy định của chủ sở hữu (nếu có); chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về các hành vi cố ý bỏ qua hoặc bao che cho các vi phạm.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 8. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác

1. Kiểm soát viên được hưởng tiền lương, thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác theo kết quả hoạt động kiểm soát, kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

2. Mức và chế độ chi trả tiền lương, thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên do chủ sở hữu quyết định theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định hiện hành của pháp luật.

3. Kiểm soát viên chuyên trách được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động của Công ty như cán bộ, nhân viên khác tại Công ty.

Chương III
MỐI QUAN HỆ CỦA KIỂM SOÁT VIÊN VỚI CHỦ SỞ HỮU,
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY
GIÚP VIỆC, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY

Điều 09. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu có trách nhiệm:

- a) Ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty;
- b) Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm;
- c) Thông báo đầy đủ cho Kiểm soát viên quyết định của mình liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên tại Công ty;
- d) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được các báo cáo của Kiểm soát viên, chủ sở hữu phải trả lời Kiểm soát viên bằng văn bản về những đề nghị của Kiểm soát viên. Trường hợp Kiểm soát viên xin ý kiến đối với các vấn đề phát sinh đột xuất, có tính cấp bách thì chủ sở hữu phải trả lời, chỉ đạo bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc;
- đ) Trên cơ sở đề xuất của Kiểm soát viên và sự thống nhất của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn, định mức về cơ sở, vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm:

- a) Xây dựng Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- b) Xây dựng chương trình công tác năm trình chủ sở hữu phê duyệt trong quý I hằng năm. Kiểm soát viên làm việc theo chương trình công tác đã được phê duyệt. Trường hợp cần thiết phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên được chủ động thực hiện và phải báo cáo cho chủ sở hữu trong thời gian sớm nhất có thể;
- c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm, Kiểm soát viên phải gửi chủ sở hữu báo cáo bằng văn bản về tình hình, nội dung hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động kỳ tới;
- d) Đối với những văn bản, báo cáo của Công ty cần có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được những văn bản, báo cáo, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến chủ sở hữu;
- đ) Trong quá trình làm việc, Kiểm soát viên cần phát hiện sớm những sai phạm, những hoạt động có dấu hiệu vi phạm pháp luật, ghi nhận lại sự việc, hiện

trạng, nêu khuyến cáo, đồng thời thông báo ngay cho chủ sở hữu và Hội đồng thành viên để có biện pháp xử lý;

e) Kiểm soát viên không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát hoặc cung cấp tài liệu, hồ sơ của Công ty cho các đơn vị, cơ quan bên ngoài khi chưa được chủ sở hữu đồng ý.

Điều 10. Mối quan hệ giữa Kiểm soát viên và Hội đồng thành viên, Giám đốc, bộ máy giúp việc và các đơn vị trực thuộc của Công ty

1. Quan hệ làm việc giữa Kiểm soát viên với Hội đồng thành viên, Giám đốc, bộ máy giúp việc và các đơn vị trực thuộc của Công ty theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời có sự phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Công ty, Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty có quyền được chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

3. Khi phát hiện Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm pháp luật, không thực hiện đúng chức năng được giao thì Công ty báo cáo chủ sở hữu xem xét, xử lý theo quy định và thông báo cho Kiểm soát viên biết.

4. Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

5. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc và người quản lý khác của công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin có nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 5 Quy chế này; chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác về các thông tin, tài liệu, báo cáo cung cấp cho Kiểm soát viên.

6. Khi Kiểm soát viên gửi báo cáo đến chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty. Trường hợp Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Công ty có quyền đề nghị chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau.

7. Kiểm soát viên được trang bị về cơ sở vật chất, tạo điều kiện làm việc, tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên có thể đề nghị Công ty cử nhân viên nghiệp vụ liên quan để hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình giám sát, kiểm tra, Kiểm soát viên không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Công ty, không can thiệp vào những công việc ngoài phạm vi trách nhiệm được giao.

Điều 11. Mối quan hệ giữa các Kiểm soát viên

1. Các Kiểm soát viên phải chủ động thực hiện nhiệm vụ đã được phân công và chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc của mình thực hiện,

đồng thời cùng với các Kiểm soát viên khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Kiểm soát viên phụ trách có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các Kiểm soát viên khác vào các báo cáo, chương trình công tác để gửi chủ sở hữu theo quy định.

3. Kiểm soát viên phụ trách tổ chức họp các kiểm soát viên định kỳ hằng quý để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình và đề ra kế hoạch nhiệm vụ cho quý sau. Từng Kiểm soát viên có quyền tham gia ý kiến, có quyền bảo lưu ý kiến cá nhân nếu có ý kiến khác nhau, đồng thời các báo cáo gửi chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đều phải thông qua Kiểm soát viên phụ trách.

4. Trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và 25 (hai mươi lăm) ngày kể từ ngày kết thúc năm, các Kiểm soát viên phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình, nội dung hoạt động của mình tại Công ty và dự kiến kế hoạch hoạt động kỳ tới cho Kiểm soát viên phụ trách để tổng hợp báo cáo chủ sở hữu theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 4 (bốn) Chương, 13 (mười ba) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy chế được áp dụng trong toàn Công ty. Hội đồng thành viên, Ban giám đốc, các đơn vị trực thuộc và các Kiểm soát viên có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung thì Kiểm soát viên Công ty đề nghị chủ sở hữu (thông qua Sở Nội vụ) quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Văn Hữu Chiến